

Nghị định của Chính phủ số 194-CP ngày 31-12-1994 về hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
- Căn cứ Luật Báo chí ngày 2 tháng 1 năm 1990;
- Nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế mở rộng và phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ và các hoạt động văn hoá xã hội; bảo vệ lợi ích người tiêu dùng; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc;
- Nhằm đưa hoạt động quảng cáo vào trật tự và đúng pháp luật;
- Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hoạt động quảng cáo bao gồm việc giới thiệu và thông báo rộng rãi về doanh nghiệp, hàng hoá, dịch vụ, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi, biểu tượng theo nhu cầu hoạt động của các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ.

Các hoạt động thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể xã hội nhằm tuyên truyền phổ biến đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo. Mọi tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động quảng cáo. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở hoạt động quảng cáo hợp pháp; lợi dụng quảng cáo dưới mọi hình thức gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, xã hội và công dân.

CHƯƠNG II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG TIỆN VÀ PHẠM VI QUẢNG CÁO

Điều 4. Hình thức quảng cáo được thể hiện bằng tiếng nói, chữ viết, ký hiệu, hình ảnh, tranh vẽ, âm thanh và các hình thức khác được truyền đạt tới công chúng.

Điều 5.

1. Nội dung quảng cáo là những thông tin mà chủ quảng cáo muốn được thể hiện nhằm thông báo giới thiệu rộng rãi tới công chúng. Nội dung quảng cáo phải chính xác, trung thực phản ánh đúng tính năng, tác dụng, chất lượng hàng hoá, dịch vụ, nhu cầu hoạt động của các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Nội dung quảng cáo phải rõ ràng, dễ hiểu tránh gây nhầm lẫn và phải phù hợp với văn hoá, phong cách Việt Nam nói chung và đặc thù của từng địa phương nói riêng.

3. Tiếng nói và chữ viết trong quảng cáo phải là tiếng nói và chữ viết Việt Nam, trừ các trường hợp:

a) Những sách báo, ấn phẩm được phép xuất bản bằng tiếng nước ngoài.

b) Những chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng nước ngoài.

c) Những nhãn hiệu hàng hoá viết tắt và viết bằng tiếng nước ngoài. Tên giao dịch quốc tế của các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Những từ ngữ đã được quốc tế hoá hoặc những từ ngữ mà tiếng Việt không thay thế được.

d) Nếu dùng cả tiếng nói và chữ viết nước ngoài phải:

- Viết chữ Việt Nam trước, phía trên, kích thước lớn hơn chữ nước ngoài.

- Đọc tiếng Việt Nam trước, tiếng nước ngoài sau.

Điều 6. Nghiêm cấm những quảng cáo có nội dung, hình thức thể hiện sau đây:

1. Trái với pháp luật của Việt Nam, có hại tới giá trị nhân phẩm, thuần phong mỹ tục, sức khoẻ và nếp sống thanh lịch của người Việt Nam, làm lộ bí mật Quốc gia, quảng cáo sai chất lượng hàng hoá đã đăng ký, nói xấu người khác và hàng hoá của người khác.

2. Sử dụng Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy, ảnh lãnh tụ, Đảng kỳ, Quốc tế ca làm nền cho trình bày quảng cáo.

3. Hình thức thể hiện, hình dáng, màu sắc tương tự các tín hiệu giao thông biển báo công cộng hoặc không rõ ràng, không sạch đẹp.

4. Các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh hoặc hạn chế tiêu dùng trong từng thời gian.

5. Quảng cáo cho báo chí, tác phẩm chưa được cấp giấy phép xuất bản, phát hành hoặc công diễn.

6. Quảng cáo cho dược liệu, dược phẩm, mỹ phẩm, dụng cụ y tế và những hoạt động y tế khác mà chưa được cơ quan y tế có thẩm quyền cho phép.

7. Quảng cáo sai sự thật, gây ảnh hưởng xấu tới lợi ích quốc gia, tổ chức, cá nhân.

8. Quảng cáo ở trang bìa 1, trang nhất của các báo, tạp chí, đặc san, số phụ.

9. Quảng cáo lẫn trong nội dung tin, bài, quảng cáo xen kẽ trong các chương trình thời sự và các chương trình chuyên đề khác trên đài phát thanh, đài truyền hình, trừ các chương trình tiếp âm, tiếp sóng của nước ngoài.

10. Các quảng cáo ngoài trời ảnh hưởng an toàn giao thông, che khuất các biển báo giao thông, hạn chế tầm nhìn của người điều khiển các phương tiện giao thông và đi bộ, gây khó khăn cho việc phòng cháy, chữa cháy, làm ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ của các công trình kiến trúc và cảnh quan môi trường.

11. Các quảng cáo dựng, để, đặt, treo, dán, gá lắp tại:

- Những nơi có ảnh lãnh tụ, khẩu hiệu chính trị.

- Khu vực trụ sở các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp.

- Khu vực cơ quan ngoại giao, lễ tân của Nhà nước.

- Quảng trường thành phố, công viên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử, khu quân sự, các công trình văn hoá đã được xếp hạng.

- Bảo tàng, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, đình, đền, chùa, nhà thờ.

- Những nơi niêm yết các văn bản của Nhà nước.

- Đặt trước và che khuất các quảng cáo đã có trước, chưa hết hạn.

- Chướng ngang đường giao thông thuỷ, bộ, ven đường cao tốc.

12. Những quảng cáo dùng âm thanh quá lớn từ 23 giờ đêm đến 4 giờ sáng.

Điều 7. Phương tiện quảng cáo là những công cụ mà thông qua đó việc quảng cáo được thực hiện, bao gồm:

1. Các báo, tạp chí, số phụ, bản tin, đặc san, sách, tờ gấp, tờ rời và các sản phẩm in, nhân bản khác.
2. Chương trình truyền hình, chương trình phát thanh, phim quảng cáo, nhạc quảng cáo và các băng, đĩa ghi âm, ghi hình quảng cáo.
3. Biểu tượng, biển hiệu của các tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh - dịch vụ; pa nô, áp phích, quảng cáo trên các phương tiện cố định và di động, trên các phương tiện giao thông hoặc trên quần áo, mũ, túi xách và các vật dụng khác.
4. Các vật phát quang, các vật thể trên không, người chào hàng, các điểm mời sử dụng thử các sản phẩm mời ăn, nếm thử thực phẩm, đồ uống, phân phát, biểu quà hàng mẫu; biểu diễn thời trang, triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm, các cuộc bảo trợ liên hoan, thi đấu thể thao có kèm nội dung quảng cáo.

Điều 8. Thời lượng, khu vực và phạm vi quảng cáo:

1. Thời lượng quảng cáo tối đa đã được quy định như sau:

a) Một đợt cho một quảng cáo trên báo hàng ngày không được kéo dài quá 5 ngày. Một đợt cho một quảng cáo trên đài truyền hình không được kéo dài quá tám ngày và không phát sóng quá 5 lần trong ngày, trên đài phát thanh không được kéo dài quá năm ngày và không phát sóng quá 10 lần trong ngày.

b) Diện tích in quảng cáo không được vượt quá 10% tổng diện tích báo chí in; thời lượng chương trình quảng cáo không được vượt quá 5% thời lượng chương trình phát thanh, truyền hình.

Nếu muốn ra phụ trương hoặc mở thêm kênh phát chương trình quảng cáo phải được phép của cơ quan quản lý báo chí, nếu tăng trang quảng cáo không được phép tăng giá bán báo, tạp chí.

c) Thời hạn đối với quảng cáo ngoài trời không quá 1 năm. Khi hết hạn, nếu muốn tiếp tục, chủ quảng cáo hoặc tổ chức dịch vụ quảng cáo phải xin gia hạn và sau khi được phép mới được tiếp tục quảng cáo.

d) Các hình thức quảng cáo ở Khoản 3 và 4 Điều 7 được tiến hành tại địa điểm nào, trong thời gian bao nhiêu ngày phải đúng giấy phép của ngành văn hoá thông tin.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO

Điều 9.

1. Chủ quảng cáo là cá nhân hay tổ chức có nhu cầu quảng cáo và phải có các điều kiện sau đây:

- Được cấp giấy phép kinh doanh nếu là cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ.
- Sản phẩm hàng hoá muốn quảng cáo phải có giấy chứng nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.
- Nhân hiệu hàng hoá, biểu tượng, tên cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ muốn quảng cáo phải có giấy chứng nhận đã đăng ký ở Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

2. Chủ quảng cáo chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung quảng cáo.

Điều 10. Người làm dịch vụ quảng cáo là cá nhân hay tổ chức thực hiện toàn bộ hoặc một phần những hoạt động quảng cáo do chủ quảng cáo yêu cầu.

1. Người làm dịch vụ quảng cáo phải có các điều kiện sau:

a) Có giấy phép hoạt động kinh doanh dịch vụ quảng cáo của cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Có giấy phép hành nghề của cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Doanh nghiệp Nhà nước làm dịch vụ quảng cáo phải theo quy định tại Nghị định số 388-HĐBT ngày 20-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

- Công ty, doanh nghiệp tư nhân làm dịch vụ quảng cáo phải theo quy định tại Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân;

- Hộ kinh doanh dưới vốn pháp định làm dịch vụ quảng cáo phải theo quy định tại Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và hướng dẫn của Bộ Văn hoá - Thông tin .

2. Người làm dịch vụ quảng cáo có trụ sở ở địa phương nào chỉ được hoạt động ở địa phương đó. Nếu muốn hoạt động quảng cáo ngoài phạm vi địa bàn phải được phép của Bộ Văn hoá - Thông tin.

Người làm dịch vụ quảng cáo phải có nghề nghiệp chuyên môn, có phương tiện và địa điểm giao dịch, địa điểm hành nghề.

3. Người làm dịch vụ quảng cáo có trách nhiệm yêu cầu chủ quảng cáo xuất trình các giấy tờ có liên quan đến sự chính xác, trung thực của nội dung quảng cáo trước khi thể hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự thể hiện nội dung đó.

Quan hệ giữa chủ quảng cáo và người làm dịch vụ quảng cáo dựa trên cơ sở hợp đồng.

Điều 11. Doanh nghiệp Nhà nước thuộc các cơ quan Trung ương, doanh nghiệp Nhà nước thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm dịch vụ quảng cáo phải được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép hành nghề.

Công ty, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh dưới vốn pháp định làm dịch vụ quảng cáo phải được Sở Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép hành nghề.

Điều 12. Hồ sơ xin phép quảng cáo gồm:

1. Đơn xin phép quảng cáo (theo mẫu thống nhất do Bộ Văn hoá - Thông tin quy định).

2. Bản sao giấy phép sản xuất - kinh doanh - dịch vụ có công chứng.

3. Bản sao giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, bản sao giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, tên gọi, biểu tượng... có công chứng.

4. Nếu người làm dịch vụ quảng cáo đứng tên xin phép quảng cáo phải kèm theo bản sao hợp đồng giữa chủ quảng cáo và người làm dịch vụ quảng cáo có công chứng.

5. Việc xin phép quảng cáo ở cơ quan nào thì nộp hồ sơ ở cơ quan đó.

Điều 13. Đối với quảng cáo bằng panô, áp phích, biển hiệu cố định hoặc di động, ngoài những quy định của Điều 12 cần phải có thêm trong hồ sơ:

- Sơ đồ vị trí đặt quảng cáo phải đúng quy hoạch, có xác nhận của Phòng Văn hoá - Thông tin quận, huyện, thị xã quản lý địa bàn;

- Mẫu (maket) quảng cáo;

- Hợp đồng giữa người làm dịch vụ quảng cáo với người đang có quyền sở hữu hoặc sử dụng địa điểm, phương tiện mà quảng cáo sẽ đặt ở đó.

Điều 14. Người làm dịch vụ quảng cáo, các cơ quan thông tin đại chúng hoạt động dịch vụ quảng cáo, người cho thuê địa điểm đặt quảng cáo phải:

1. Nộp thuế theo luật định;

2. Nộp lệ phí xin cấp giấy phép quảng cáo theo quy định của Nhà nước.

Thuế và lệ phí phải nộp ngân sách Nhà nước.

Điều 15. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, chậm nhất 20 ngày, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy cho phép quảng cáo, nếu không cấp giấy phép phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho người nộp hồ sơ.

Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký, nếu người được cấp giấy phép không thực hiện thì giấy phép không còn giá trị (trừ trường hợp đặc biệt phải được sự đồng ý của cơ quan cấp phép).

Trường hợp xảy ra khiếu nại, cơ quan nào cấp giấy phép thì cơ quan đó xử lý; nếu chưa thỏa đáng thì người khiếu nại có quyền khiếu nại lên cơ quan Nhà nước cấp trên có thẩm quyền.

CHƯƠNG IV

QUẢNG CÁO HÀNG HOÁ DO NƯỚC NGOÀI SẢN XUẤT VÀ CHỦ QUẢNG CÁO KHÔNG PHẢI PHÁP NHÂN VIỆT NAM

Điều 16. Mọi hoạt động quảng cáo cho hàng hoá, dịch vụ của nước ngoài tại Việt Nam, mà chủ quảng cáo không phải pháp nhân Việt Nam, đều phải thực hiện hợp đồng quảng cáo với người làm dịch vụ quảng cáo của Việt Nam .

Thủ tục để người làm dịch vụ quảng cáo cho nước ngoài phải tuân theo các quy định tại Chương III của Nghị định này.

Điều 17. Hàng hoá do nước ngoài sản xuất muốn được quảng cáo phải có các điều kiện sau:

1. Đã được cấp giấy phép nhập khẩu vào Việt Nam ;
2. Nhãn hiệu, biểu tượng đã đăng ký sở hữu công nghiệp ở nước sở tại hoặc ở Việt Nam ;
3. Giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng của nước sản xuất hoặc của Việt Nam;
4. Nếu là dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, dụng cụ y tế phải được phép của Bộ Y tế Việt Nam .

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO

Điều 18. Bộ Văn hoá - Thông tin là cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động quảng cáo trong cả nước, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Giúp Chính phủ xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy về quảng cáo.
2. Phối hợp các ngành liên quan hướng dẫn chi tiết việc thực hiện hoạt động quảng cáo.
3. Thanh tra và xử lý vi phạm.
4. Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ quảng cáo cho các cơ quan Trung ương, các tổ chức hoạt động dịch vụ quảng cáo trong phạm vi toàn quốc cho phép các quảng cáo nước ngoài được quảng cáo ở Việt Nam (Địa điểm và hình thức cụ thể do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quy định).

Điều 19. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy phép cho hoạt động quảng cáo của các cơ quan thuộc địa phương và thực hiện việc quản lý Nhà nước về quảng cáo trên lãnh thổ địa phương.

Điều 20. Giám đốc các Nhà Xuất bản, các Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Tổng Biên tập các cơ quan báo chí thực hiện hoạt động quảng cáo phải theo đúng các điều khoản quy định trong Nghị định này.

CHƯƠNG VI THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Thanh tra chuyên ngành Văn hoá Thông tin tổ chức thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực quảng cáo.

Điều 22. Chủ quảng cáo, người đứng đầu tổ chức dịch vụ quảng cáo vi phạm những quy định tại Nghị định này tùy theo mức độ gây thiệt hại tới lợi ích của người tiêu dùng, người sản xuất - kinh doanh - dịch vụ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại theo pháp luật.

Điều 23. Người có trách nhiệm quản lý Nhà nước về quảng cáo vi phạm những quy định tại Nghị định này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 24. Các quảng cáo ngoài trời cố định hay di động nếu không ghi rõ số giấy phép, thời hạn và tên chủ dịch vụ quảng cáo, sẽ bị dỡ bỏ; chủ dịch vụ quảng cáo chịu mọi phí tổn.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các quy định trước đây về quảng cáo trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 26. Bộ Văn hoá - Thông tin phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 27. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.